TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU - TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hải Đường;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Đào.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ba Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa*:** Bà Lâm Phượng Tú.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Công D, sinh năm 1966; địa chỉ: 63 khu phố N, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1970; địa chỉ: Số A, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30-5-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Anh Phạm Công D trình bày:

Anh và chị X chung sống với nhau năm 1990 không đăng ký kết hôn, đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 1993 phát sinh nhiều mâu thuẫn, chung sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, hôn nhân không có hạnh phúc; nên anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị X.

Về con chung: Có 01 con chung Phạm Minh M, sinh năm 1993; đã thành

niên, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07-6-2022 của Chị Nguyễn Thị X (bút lục số 24) trình bày:

Chị và anh D chung sống với nhau năm 1990 không đăng ký kết hôn, đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã không chung sống với nhau thời gian từ năm 1993 cho đến nay. Chị đồng ý ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 01 con chung Phạm Minh M, sinh năm 1993; đã thành niên tự lao động sinh sống được, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Về nội dung: Đề nghị không công nhận Anh Phạm Công D và Chị Nguyễn Thị X là vợ chồng; về con chung: đã thành niên tự lao động sinh sống được, không yêu cầu giải quyết; tài sản chung, nợ chung không có; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh D và chị X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Anh D và chị X tự nguyện chung sống với nhau năm 1990 không đăng ký kết hôn, đến nay cũng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay anh D yêu cầu ly hôn chị X, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là có căn cứ.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung Phạm Minh M, sinh năm 1993; đã thành niên tự lao động sinh sống được, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh D phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận Anh Phạm Công D và Chị Nguyễn Thị X là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung Phạm Minh M, sinh năm 1993; đã thành niên tự lao động sinh sống được, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Công D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh theo Biên lai thu số 0012356 ngày 30 tháng 5 năm 2022; (anh D đã nộp xong án phí).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện D;
- Chi cục THADS H.Dương Minh Châu;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thanh Tòng